



ròu yù

肉欲

noun · carnal desire, lust

Example Sentences

Tā chén mí yú ròu yù zhī zhōng

他沉迷于肉欲之中。

He is indulged in carnal desires.

Zhè bù xiǎo shuō miáo xiě le ròu yù yǔ jīng shén de chōng tū

这部小说描写了肉欲与精神的冲突。

This novel depicts the conflict between lust and spirit.

Trace each character, then write the word on your own.

肉	肉	肉	肉	肉	肉	肉	肉	肉		
欲	欲	欲	欲	欲	欲	欲	欲	欲	欲	欲
欲	欲	欲								